

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUAN HỆ TỘC NGƯỜI VỚI QUỐC GIA - DÂN TỘC Ở CHÂU PHI VÀ NAM Á

TS. Nguyễn Thị Thanh Bình
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: *Quan hệ tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc đóng vị trí then chốt trong sự thống nhất chủ quyền và ổn định an ninh, chính trị ở mỗi quốc gia, nhất là các quốc gia đa dân tộc, đa văn hóa. Châu Phi và Nam Á được xem là nơi nhiều quốc gia vẫn đang phải đối mặt với nhiều thách thức trong xây dựng và quản lý cộng đồng quốc gia - dân tộc do mâu thuẫn tộc người và sự chia tách xã hội gây nên. Bài viết này, trên cơ sở tổng luận các nghiên cứu về quan hệ tộc người với quốc gia - dân tộc ở châu Phi và Nam Á, chủ yếu xem xét các vấn đề liên quan đến tộc người và những vấn đề đặt ra trong xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc ở hai khu vực.*

Từ khóa: *Tộc người, quan hệ tộc người, cộng đồng quốc gia - dân tộc, châu Phi, Nam Á.*

Abstract: *The relation between the ethnics and the nation-state plays a crucial role in unifying the national sovereignty and protecting political stability and security within the country, especially for the multicultural and multireligious countries. Africa and South Asia are regions where many countries are facing challenges in building and managing nation-state due to ethnic conflicts and social stratifications. This article draws on a literature review about the relations between ethnics and nations in Africa and South Asia, focusing on issues of ethnicities and the concerns to nation-state building in these two regions.*

Keywords: *Ethnic, ethnic relation, nation-state, Africa, South Asia.*

Ngày nhận bài: 21/12/2020; ngày gửi phản biện: 22/2/2021; ngày duyệt đăng: 3/4/2021

Giới thiệu

Bản sắc tộc người, chủ nghĩa dân tộc - tộc người (Ethno-Nationalism)¹ và mâu thuẫn tộc người không phải là hiện tượng mới, nhưng vấn đề đáng quan tâm hiện nay là sự tồn tại của các mâu thuẫn, cạnh tranh giữa các tộc người trong bối cảnh toàn cầu hóa. Thách thức đối với tất cả các quốc gia hiện nay, cả các nước phát triển và đang phát triển, là chủ nghĩa

¹ Chủ nghĩa dân tộc - tộc người (Ethno-Nationalism) là một loại hình của chủ nghĩa dân tộc (Nationalism) được hình thành trên cơ sở tộc người, đề cao bản sắc tộc người, lấy tộc người làm trung tâm (thậm chí thanh lọc tộc người) nhằm đạt mục đích chính trị là xây dựng nhà nước độc lập với tộc người chiếm ưu thế làm chủ thể hoặc tộc người đó được tự trị trong một quốc gia - dân tộc (Vương Xuân Tình, 2020, tr. 12-13)

dân tộc - tộc người và sự vận động chính trị tộc người. Trong khi một số nước ở Châu Âu, Bắc Mỹ đối diện với sự phục hồi và tăng cường khẳng định quyền chính trị tộc người thông qua đòi hỏi quyền tự trị vùng của các tộc người thiểu số (TNTS) cũng như các phong trào chính trị liên quan đến người nhập cư, thì ở một số khu vực của các nước đang phát triển như châu Phi, Nam Á, nhiều quốc gia vẫn còn phải đối mặt với thách thức đặt ra đối với sự thống nhất, chủ quyền về lãnh thổ và ổn định chính trị - xã hội do chủ nghĩa dân tộc - tộc người gây ra. Ở những khu vực này, sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc - tộc người và các phong trào chính trị tộc người được xem là di sản của chủ nghĩa thực dân phương tây và các nhà nước hậu thực dân đã tạo ra các quốc gia chủ quyền với nhiều tộc người nhưng bỏ qua sự khác biệt văn hóa và tộc người đã tồn tại cũng như nguyện vọng chính trị của người dân. Mặc dù các nhà nước hậu thực dân đã phân nào quản lý, tập hợp được các tộc người khác nhau trong các phong trào dân tộc để giành độc lập và xây dựng nhà nước - quốc gia nhưng sự thống nhất đó dường như nằm dưới tư tưởng thống trị của một nhóm với các nhóm còn lại hơn là ý chí chính trị của các nhóm tộc người hợp thành. Điều đó khiến nhiều nhóm tộc người cảm thấy không có sự gắn kết với cộng đồng quốc gia - dân tộc và thúc đẩy họ tăng cường việc khẳng định quyền dân tộc do cảm thấy bị đối xử bất công. Các nhà nước như Ấn Độ, Pakistan và Bangladesh ở Nam Á, hay Sudan, Eritrea và Nam Phi ở Châu Phi, được ra đời với sự thiếu gắn kết và phải đối mặt với sự phân hóa tộc người giữa đa số với thiểu số, sự chia tách xã hội và bất ổn chế độ, khiến cho việc xây dựng và quản lý cộng đồng quốc gia - dân tộc của họ trở nên khó khăn hơn (Phadnis & Ganguly, 2001, tr. 15-17; Mandal, 2013; Rwengapo, 2016, tr. 1).

Rõ ràng tộc người và bản sắc tộc người vẫn đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành, tái hình thành và củng cố cấu trúc quốc gia ở nhiều nước trên thế giới, song cho đến nay, các nghiên cứu bàn luận về quan hệ giữa tộc người và quốc gia - dân tộc chưa nhiều. Trên cơ sở tổng luận các nghiên cứu có liên quan đến chủ đề, bài viết này cố gắng điếm lại một số vấn đề chính trong quan hệ tộc người và quốc gia - dân tộc ở Châu Phi và Nam Á, qua đó chỉ ra những thách thức về tộc người đang đặt ra đối với các quốc gia ở hai khu vực này.

1. Tộc người và quốc gia - dân tộc ở châu Phi

Trước thời kỳ thực dân, bức tranh tộc người của Châu Phi được miêu tả rất khác so với ngày nay. Phần lớn các quốc gia không có sự đồng nhất về dân cư hay tộc người, bởi vì ở nhiều vùng các tổ chức chính trị quy mô địa phương chiếm ưu thế, một vùng ngôn ngữ nhất định cũng thường có nhiều xã hội với tổ chức tương đối độc lập. Phần lớn bản sắc mang tính địa phương, ngay cả khi có ý thức về việc sử dụng chung một ngôn ngữ, chẳng hạn như tiếng Ả rập. Sự chia cắt thuộc địa đã làm dịch chuyển, thay đổi bức tranh này. Các nhà nước thực dân đã tổ chức lại lãnh thổ mới của họ theo giả thuyết về một “bộ tộc” Châu Phi. Một khuôn mẫu tộc người được đặt trên lãnh thổ. Nhiệm vụ đầu tiên của nhà cầm quyền là điều tra, khám phá bản đồ sắc tộc. Thông tin được thu thập khá mâu thuẫn, phức tạp, đòi hỏi phải mã

hóa và đơn giản hóa hơn. Những năm đầu của chính quyền thuộc địa được đánh dấu bởi một loạt các việc làm qua loa về biên giới của các đơn vị “hành chính bản địa”, để có được một sự sắp xếp cho đúng về bản sắc và quyền thực thi. Bên cạnh đó, các hoạt động truyền giáo đã mang đến những động thái mới. So với các nhà cầm quyền, các nhà truyền giáo cần tiếp cận ngôn ngữ có hệ thống hơn đối với cư dân bản xứ. Các kinh sách cần được dịch ra, các giáo lý cần được truyền tải theo thành ngữ địa phương, đòi hỏi cần phải tạo ra một bản chữ viết chuẩn. Các đoàn truyền giáo thường tạo ra các mẫu chữ dựa trên thổ ngữ của vùng. Qua việc mã hóa ngôn ngữ phục vụ truyền giáo, các nhà truyền giáo đã cung cấp cơ sở quan trọng cho việc hình thành phân loại ý thức tộc người.

Các nhà nhân học thời kỳ này cũng đóng vai trò phục vụ chính quyền thuộc địa và hoạt động truyền giáo. Các nghiên cứu ở thời kỳ đó tuy chủ yếu là miêu thuật dân tộc học, nhưng đã thu thập được nhiều tư liệu về các nhóm tộc người và đưa vào thành khuôn mẫu tộc người của chính quyền thuộc địa. Những kết quả nghiên cứu cũng được đưa vào các giáo trình ở trường học, vào kho tàng tri thức của các quốc gia sau này. Người dân bản xứ cũng tích cực tham gia vào các quá trình kiến tạo xã hội về tộc người trên. Chính quyền thuộc địa cần một bộ phận tầng lớp viên chức hành chính bản xứ và xác định bản sắc gắn với họ. Với sự ra đời của các trung tâm đô thị, người di cư của các nhóm có cùng bản sắc văn hóa lập những hội nhóm để giúp đỡ nhau vượt qua các thách thức của đời sống đô thị như việc làm, nhà cửa hay những bất trắc, rủi ro. Các nhóm hội đồng hương và đồng tộc này trở thành những nơi thể hiện bản sắc văn hóa và ý thức tập thể. Với việc đưa tranh cử vào từ thời thực dân, các tổ chức hội đồng tộc người trở thành nền tảng cho các đảng chính trị trong quá trình tính tộc người đòi hỏi ý nghĩa chính trị mới. Các trí thức tiên phong của châu Phi cũng đóng một vai trò quan trọng như là trung gian văn hóa của nhiều nhóm tộc người. Họ đã tổng hợp lịch sử truyền miệng để xuất bản, cung cấp các thông tin, dữ liệu về lịch sử, văn hóa tộc người cho các nhà nhân học, góp phần tạo ra nhận thức tập thể, nguồn tài liệu cơ sở kiến tạo bản sắc tộc người của mình (Young, 2001).

Bởi những lý do trên nên có ý kiến cho rằng, chính ở thời thuộc địa, các hiệp hội sắc tộc ở châu Phi bắt đầu nở rộ, phù hợp với chính sách “chia để trị” của thực dân (Austine và cộng sự, 2016). Nhưng chính sự xuất hiện và thống trị của chủ nghĩa thực dân đã làm nảy sinh một ý thức chung trong các tầng lớp xã hội địa phương về sự khác biệt văn hóa giữa họ và giới cai trị thuộc địa. Ý thức này biến thành tình cảm dân tộc và làm thức tỉnh giá trị văn hóa và dân tộc trong mỗi cá nhân. Quá trình đó thường được châm ngòi và thúc đẩy bởi các trí thức, nhà văn, nhà thơ bản xứ, những người mà thông qua ngòi bút của mình đã cố gắng cổ vũ ý thức dân tộc bằng cách chuyển tải sự bất mãn của họ đối với chế độ thuộc địa và thân phận nô lệ, phụ thuộc của người dân. Ngay cả sau khi giành được độc lập, trong quá trình xây dựng quốc gia - dân tộc, các tác phẩm văn học, nghệ thuật vẫn được xem là đóng vai trò quan trọng đối với việc thức tỉnh ý thức dân tộc của người dân Châu Phi, đặc biệt là

giới trẻ. Chính vì vậy, nhiều nghiên cứu có khuynh hướng tìm hiểu tư tưởng về ý thức dân tộc được sử dụng và thể hiện như thế nào qua nội dung các tác phẩm văn học của những nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng ở một số quốc gia châu lục này (Boadu, 2017; Eko, 1989; Binebai, 2016).

Có thể nói, chủ nghĩa dân tộc được hình thành ở Châu Phi trong quá trình đấu tranh giành độc lập từ chủ nghĩa thực dân. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng khác với chủ nghĩa dân tộc ở Châu Âu, được hình thành từ thế kỷ XIX trên cơ sở cách mạng công nghiệp với sự xuất hiện của tầng lớp trung lưu, và sự chia sẻ nhiều điểm chung về văn hóa, ngôn ngữ trong một quốc gia - dân tộc, chủ nghĩa dân tộc ở Châu Phi ít có ý nghĩa hơn bởi sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ ở châu lục này (Austine và cộng sự, 2016, tr. 2). Sang thời kỳ hậu thuộc địa, tộc người bắt đầu bị xem là mối đe dọa tới việc xây dựng dân tộc của các quốc gia trong vùng. Nhiều nhà lãnh đạo hậu thuộc địa cho rằng, tộc người, bộ tộc là sự tư lợi và dựa trên “nhận thức sai”, sẽ bị biến mất trong quá trình hiện đại hóa và sự phát triển của bản sắc quốc gia dân tộc (Daley, 2006, tr. 659). Hiện đại hóa có nghĩa du nhập hoàn toàn những viễn cảnh bên ngoài Châu Phi và Châu Phi chỉ có thể thịnh vượng với điều kiện phải chối bỏ chính mình. Việc duy trì một bản sắc tộc người được xem là đối chọi với duy trì sự cố kết dân tộc. Vì vậy, một số quốc gia đã tìm cách xóa bỏ sức mạnh của tộc người trong thời kỳ độc lập, trong đó tiêu biểu là Tanzania và Ghana (Austine và cộng sự, 2016, tr. 3).

Giống như phần lớn các quốc gia Châu Phi, Tanzania là một nước đa tộc người với hơn 130 nhóm tộc người nói ngôn ngữ khác nhau. Kể từ khi giành được độc lập và dưới sự lãnh đạo của đảng dân tộc TATU (Tanganyika African National Union), trong gần bốn thập niên từ 1960 đến 1990, chính phủ Tanzania đã nỗ lực tạo ra một sự cố kết xã hội để làm mờ đi bản sắc tộc người. Ngay từ đầu, đảng TANU đã nhấn mạnh về cần thiết có sự tham gia chính trị của nhân dân để từ đó củng cố khối đoàn kết dân tộc. Quan điểm của đảng là xây dựng một dân tộc hơn là tạo ra một văn hóa dân tộc đồng nhất, làm cơ sở cho việc tập hợp người dân ủng hộ các chủ trương, chính sách của đảng. Tanzania được xem là một ví dụ về xây dựng dân tộc thành công ở Châu Phi nhờ vào sự củng cố quyền lực tập trung của nhà nước và đảng lãnh đạo TANU, cải cách giáo dục với chính sách bao cấp cho giáo dục tiểu học và thúc đẩy nền giáo dục vì sự tự lực, tự cường của dân tộc. Đặc biệt là việc nỗ lực tạo ra và thúc đẩy nhận thức chính trị, bản sắc dân tộc qua việc sử dụng tiếng *Kiswahili* là ngôn ngữ phổ thông trong giáo dục và chính trị của đất nước (Rwengabo, 2016). Bên cạnh đó, đảng TANU cũng nỗ lực tạo ra một nền ‘văn hóa dân tộc’ với tổng hòa lối sống của người dân để xây dựng và phát triển dân tộc Tanzania. Với tư tưởng xây dựng xã hội chủ nghĩa, đảng TANU kêu gọi người dân xây dựng một xã hội với những “con người mới” đạo đức xã hội chủ nghĩa, bỏ đi những mối quan tâm mang tính tộc người, tiếp nhận các yếu tố văn hóa dân tộc mới như tiếng *Kiswahili* - được xem là một biểu tượng của đoàn kết dân tộc. Biểu tượng quốc gia - dân tộc còn được thể hiện qua quốc kỳ, quốc ca. Lịch sử dân tộc được cấu trúc lại dựa trên lịch sử tộc người, các bộ tộc; các anh hùng dân tộc trong lịch sử được xem

là những người đấu tranh cho tự do thời kỳ đầu của dân tộc. Ý tưởng xây dựng dân tộc là cơ sở để thu hút sự ủng hộ của quần chúng nhân dân cho các chương trình chính sách của đảng và nhà nước Tanzania. Song, do bất cập của mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế Tanzania rơi vào khủng hoảng những năm 1980, dẫn đến sự tự do hóa chính trị từ những năm 1990. Tình trạng đa đảng và sự nở rộ của các tổ chức tôn giáo đã làm thay đổi xã hội Tanzania, khiến cho nhiều người Tanzania phải xem xét lại cấu trúc của đặc điểm chung và khác biệt tộc người, làm cho việc xây dựng bản sắc dân tộc ở quốc gia này bị đứt gãy. Bối cảnh mới tự do hóa kinh tế và chính trị đang làm cho người Tanzania phải đối mặt với những bất bình đẳng về kinh tế, chính trị và xã hội, làm gia tăng các nhân tố tộc người và tôn giáo để đảm bảo quyền lợi cho bản thân (Campbell, 1999).

Ở trường hợp Ghana, quốc gia này đã thông qua luật cấm thành lập các đảng phái chính trị theo vùng, tôn giáo và dân tộc. Từ năm 1969 đến năm 1979, hiến pháp nước này có một số điều khoản cấm sử dụng từ “bộ tộc” trong tất cả các văn bản, như là một bước xóa bỏ các yếu tố cản trở sự cố kết dân tộc. Hội đồng cứu vãn dân tộc (The National Redemption Council) cũng ủng hộ việc xóa bỏ tên của các bộ tộc và ngừng tập tục khắc mặt nạ lên người ở các nhóm. Thêm vào đó, chính quyền tổng thống đầu tiên của Ghana - Nkrumah đã cố gắng thiết lập mối liên kết chính trị, dân tộc giữa người dân và chế độ để củng cố mối đoàn kết dân tộc. Song, chiến lược này đã thất bại và người dân mất dần niềm tin vào chính quyền do thể chế hành chính không thực hiện tốt vai trò của mình. Năng lực của giới chức địa phương nước này bị hạn chế nên không được tôn trọng và không có khả năng thực hiện sứ mệnh đoàn kết dân tộc. Hơn nữa, bản thân các nhân viên làm việc cho chính phủ cũng không vượt qua được sự gắn kết của họ với bản sắc tộc người nên vẫn có hiện tượng địa phương cục bộ, thiên vị lợi ích cho nhóm tộc người. Chính vì vậy, mặc cho nỗ lực của chính phủ là xóa bỏ mối liên kết, bản sắc tộc người, kết quả lại diễn ra ngược lại (Austine và cộng sự, 2016, tr. 4).

Giải thích cho sự tồn tại dai dẳng của liên kết tộc người nêu trên, Austine và cộng sự (2016, tr. 3) cho rằng, do quá trình công nghiệp hóa ở châu lục này chưa hoàn thành nên chưa hình thành các giai cấp xã hội rõ nét, mọi khác biệt quyền lợi vẫn phải dựa trên cơ sở vùng miền và tộc người. Ngoài ra, còn có mối quan hệ giữa kinh tế và sự gia tăng ý thức tộc người ở Châu Phi. Theo đó, sự bất mãn về kinh tế, mức sống nghèo khổ thường dẫn đến tăng cường quan hệ tộc người, bản sắc tộc người. Tộc người thường trở thành vấn đề khi các cá nhân thấy cần phải khẳng định một bản sắc tập thể để đối phó với những mối đe dọa về kinh tế, chính trị - xã hội (Wilmsen và cộng sự, 1994, tr. 348). Sự cạnh tranh về đất đai và các nguồn tài nguyên quý hiếm đang dần cạn kiệt thường châm ngòi cho các mâu thuẫn, xung đột tộc người, dẫn đến sự bất ổn chính trị và phá vỡ sự phát triển của cơ sở hạ tầng ở châu lục này (Austine và cộng sự, 2016, tr. 5).

Trong các thập niên 1970 - 1980, lựa chọn thể chế chính trị của các nước Châu Phi thường là tập quyền hoặc dân chủ kiểu phương Tây. Song, cả hai mô hình này đều được

đánh giá là tỷ lệ thành công không cao. Nếu như các chế độ tập quyền thường loại bỏ yếu tố tộc người trong đời sống chính trị quốc gia thì ở các thể chế chính trị đa đảng, tư tưởng đa đảng sớm hay muộn thường trở thành đa bộ tộc, đa tộc người bởi nguyên nhân chính là chưa có sự hình thành quyền lợi giai cấp, như đã trình bày ở trên. Bởi vậy, có ý kiến cho rằng Châu Phi nên xem xét mô hình lãnh đạo khác cho phù hợp với bối cảnh cụ thể, với vấn đề tộc người đặc thù của châu lục. Qua xem xét trường hợp của Nigeria, Ethiopia và Nam Phi, Austine và cộng sự (2016) cho rằng, mô hình chế độ liên bang, mặc dù chưa hoàn toàn dẫn đến sự bình đẳng, nhưng với việc chú trọng phân chia các bang trên cơ sở tương đồng về hình mẫu cư trú, bản sắc, ngôn ngữ và sự đồng thuận của người dân, mô hình này đã tính đến sự đa dạng tộc người mà trong đó không làm đe dọa đến đặc trưng văn hóa chung của dân tộc. Trong bối cảnh các quốc gia Châu Phi ít có khả năng phòng chống việc tộc người bị lợi dụng cho mục đích chính trị, vấn đề tộc người ở đây cần được nhận thức rằng nó không thể biến mất nhờ bỏ qua mà ngày càng gia tăng trong bối cảnh toàn cầu hóa. Công cuộc xây dựng quốc gia - dân tộc ở nhiều quốc gia trong châu lục này vẫn chưa thực sự hiệu quả. Bên cạnh việc tạo ra các biểu tượng dân tộc để gắn kết các tộc người, các dự án xây dựng quốc gia - dân tộc cần trở nên hiệu quả hơn qua các chương trình cải cách kinh tế và thể chế chính trị.

2. Tộc người và quốc gia - dân tộc ở Nam Á

Trong lịch sử, hệ thống chính trị của Nam Á là những quốc gia dựa trên sự phân chia lãnh thổ, nên tính dân tộc, chủ nghĩa dân tộc không thực sự nổi trội. Ở thời kỳ hiện đại, sự phân chia bắt đầu từ năm 1822 với chính sách chia để trị của chủ nghĩa thực dân. Theo một cách hệ thống, thực dân Anh đã định hướng phân chia khu vực này theo ranh giới tôn giáo. Song, sự phân tách đó đã thất bại trong việc tạo ra các quốc gia - dân tộc đồng nhất. Thay vì có được sự phân chia cố định, khu vực Nam Á lại tiếp tục bị phân tách nhỏ thêm. Giới tinh hoa Ấn Độ thời thực dân cho rằng việc chia tách, xây dựng quốc gia - dân tộc là áp dụng các giá trị xa lạ, khái niệm chủ nghĩa dân tộc đồng nhất của phương Tây lên xã hội Nam Á truyền thống nên đã tạo ra xung đột ở khu vực. Ý tưởng về quốc gia - dân tộc hiện đại bị phản kháng bởi chính những tôn giáo lớn ở Nam Á như Ấn Độ giáo, Hồi giáo. Ấn Độ và Pakistan là hai quốc gia - dân tộc đầu tiên được xây dựng trên cơ sở phân tách tôn giáo. Các nhà lãnh đạo dân tộc Ấn Độ đã hy vọng lợi dụng cơn sốt dân tộc chủ nghĩa để lôi cuốn cả đất nước trong phong trào giành độc lập. Các nhà lãnh đạo Pakistan hy vọng dựa trên chủ nghĩa dân tộc tôn giáo để tạo ra cơ sở cho một dân tộc mạnh và đoàn kết. Cho đến nay, cả hai quốc gia đều vẫn đang phải nỗ lực xây dựng quốc gia - dân tộc như mong muốn và “tộc người” là mối đe dọa hàng đầu với quá trình đó. Mishra (2014) cho rằng, cùng với các nước Nam Á khác, hai quốc gia này phải đối mặt với các vấn đề: đa dân tộc, sự chông lán biên giới địa lý giữa các dân tộc và sự thất bại trong việc kết nối thành một dân tộc chung.

Ngay sau khi được thành lập, cả hai quốc gia đối mặt với sự xuất hiện một loạt các tộc người, không chỉ ở quốc gia đa tộc người, đa ngôn ngữ và văn hóa như Ấn Độ mà ở cả

đất nước được xem là đồng nhất như Pakistan. Trong hơn hai thập kỷ qua, Pakistan luôn cho thấy là một quốc gia - dân tộc không ổn định. Chủ nghĩa dân tộc tôn giáo từng được xem là tác nhân cố kết dân tộc Pakistan bị thách thức bởi một dạng khác của chủ nghĩa dân tộc, đó chính là chủ nghĩa dân tộc ngôn ngữ. Người đa số nói tiếng Bengali ở Đông Pakistan khẳng định ngôn ngữ của họ là ngôn ngữ dân tộc nhưng lại không chấp nhận những người theo đạo Hindu nói tiếng Bengali của Ấn Độ hay của Đông Pakistan. Quốc gia mới thành lập sau này, Bangladesh (có nghĩa là quốc gia của những người nói tiếng Bengal) cũng không quan tâm đến việc bao hàm trong đó những người Ấn Độ nói tiếng Bengal. Theo lý thuyết, có thể gọi đây là sự khẳng định tiểu dân tộc trong một dân tộc rộng lớn hơn của quốc gia Hồi giáo Nam Á.

Ấn Độ cũng chứng kiến sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc ngôn ngữ nhưng nhờ được cảnh báo nên đã kịp thời quản lý vấn đề bằng cách tổ chức lại các bang theo ngôn ngữ vào năm 1956. Tuy nhiên, qua phong trào ngôn ngữ và việc phải sắp xếp lại các bang theo ranh giới ngôn ngữ cho thấy, người dân Ấn Độ khó có thể đi đến một thuật ngữ về dân tộc Ấn Độ mang tính phổ quát. Thách thức từ sự đa dạng tộc người, tôn giáo, ngôn ngữ khiến cho không có sự kết hợp giữa bản sắc dân tộc² và chính trị ở Ấn Độ. Bản sắc dân tộc thường đặt mình ở vị trí đối ngẫu với chủ nghĩa dân tộc chính trị, muốn được thừa nhận bên ngoài bản sắc dân tộc Ấn Độ. Các phong trào chủ nghĩa dân tộc - tộc người không chỉ có ở Ấn Độ mà trở thành một đặc trưng của tất cả các nước Nam Á. Đôi khi các phong trào này còn vượt qua cả biên giới quốc gia, trở thành nguyên nhân xung đột giữa các quốc gia, chẳng hạn như vấn đề Kashmir giữa Ấn Độ và Pakistan. Xung đột tộc người bên trong các quốc gia, như phong trào Mohajir ở Ấn Độ; vấn đề Sindh, Pukhtun và Balock ở Pakistan, Chakma ở Bangladesh; và chủ nghĩa ly khai Tamil ở Sri Lanka, có mục đích khác nhau nhưng điểm chung của các phong trào này là thách thức chủ quyền của các hệ thống chính trị mà các tộc người được bao gồm trong đó. Chỉ riêng vùng đông bắc Ấn Độ đã có 36 phong trào chủ nghĩa dân tộc - tộc người lớn nhỏ. Ở vương quốc Bhuta, cộng đồng Drupka muốn biến Bhutan thành một chính thể đơn tộc người. Nepal dù không có xung đột tộc người nhưng vấn đề tính đại diện của các tộc người trong bầu cử gần đây đặt ra vấn đề nhạy cảm về bản sắc tộc người và bản sắc dân tộc Nepal. Phần lớn các tộc người ở nước này không chấp nhận được gọi là “các tộc người” hay “người thiểu số”. Họ muốn được gọi là các dân tộc và tin rằng mình có đầy đủ các tiêu chí của một dân tộc, từ ngôn ngữ, tôn giáo... đến văn hóa, lãnh thổ hay lịch sử. Các phong trào và xung đột này cho thấy các nhà nước Nam Á thiếu một khả năng xây dựng cấu trúc chính trị mang tên quốc gia - dân tộc (Mishra, 2014).

Để xây dựng quốc gia - dân tộc, các nhà nước Nam Á đã áp dụng nhiều chiến lược dựa trên hai tiếp cận: cấu trúc và phân bổ (structural and distributive approaches). Tiếp cận cấu

² Bản sắc dân tộc ở đây được hiểu là bản sắc văn hóa của quốc gia dân tộc, khác với bản sắc tộc người - ám chỉ đặc trưng văn hóa riêng của tộc người trong so sánh với các tộc người khác.

trúc xem hệ thống chính trị là một tổng thể hoặc một phần của cấu trúc và ở đó những thay đổi về quyền lực, việc sắp xếp lại lãnh thổ, bầu cử có xem xét đến yếu tố tộc người nhưng không đặt vấn đề tộc người là duy nhất. Trong khi, tiếp cận phân bổ thì đặt tộc người ở vị trí trung tâm trong việc phân bổ các nguồn lực, đảm bảo tính đại diện của các tộc người trong các quyền lợi, nhằm giảm thiểu sự cách biệt tộc người trong quá trình phát triển (Phanis & Ganguly, 2001, tr. 156-150).

Ở Ấn Độ, tiếp cận phân bổ bao gồm các chiến lược tăng cường thể tục hóa và bảo vệ quyền lợi của các nhóm thiểu số qua các chính sách xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, giáo dục. Ngoài ra, nước này cũng áp dụng việc củng cố bản sắc quốc gia - dân tộc qua việc lấy Ấn Độ giáo và tiếng Hindi làm cơ sở (Vũ Đình Mười và Nguyễn Thị Thanh Bình, 2019, tr. 18). Parkistan sau khi không tạo được sự đồng thuận về việc xây dựng một quốc gia Hồi giáo, đã lựa chọn chế độ liên bang nhưng lại lệch hướng theo chế độ tập quyền. Sự tập trung quyền lực khiến cho việc khẳng định tính dân tộc của thể chế chính trị nước này càng bị áp lực hơn. Bangladesh cũng gặp phải nhiều vấn đề trong việc xây dựng mô hình chủ nghĩa dân tộc tôn giáo. Quốc gia này sử dụng Hồi giáo như một công cụ xây dựng bản sắc dân tộc, nhưng vấp phải sự bất mãn của các nhóm cư dân không theo Hồi giáo. Trong khi những người theo đạo Hindu sử dụng hiến pháp và các phương cách chính trị để yêu cầu nhà nước giải quyết các vấn đề của họ, thì các cư dân theo Phật giáo Chakmas lại sử dụng các biện pháp bạo lực. Sri Lanka áp dụng chiến lược thể tục hóa và bầu cử liên bang theo tộc người, tuy nhiên cơ chế phân bổ của nước này bị cố định, nghiêng về ưu thế của người Sinhhal hơn người Tamils nên chưa tạo ra được sự hòa hợp giữa các dân tộc. Nepal xây dựng bản sắc dân tộc bằng cách gộp vào những giá trị văn hóa cốt lõi của phần lớn các tộc người, chẳng hạn như người Hindu. Còn những tộc người khác, họ được phép thực hành bản sắc của mình trong khuôn khổ bản sắc chính trị của dân tộc Nepal. Tiếng Khas (Nepali) được sử dụng là ngôn ngữ chính thức để tạo ra hình ảnh dân tộc Nepal. Mặc dù chiến lược này không tạo ra mâu thuẫn tộc người nhưng cũng có hiện tượng một số dân tộc phản ứng lại nỗ lực của nhà nước Nepal trong việc gộp tính dân tộc của họ vào trong bản sắc dân tộc chung của Nepal. Quốc gia Bhutan được xem là trường hợp quản lý các vấn đề dân tộc tốt hơn các nước Nam Á còn lại: người Bhutan và Nepal là hai tộc người chính ở quốc gia này; đã từng có dấu hiệu người Nepal muốn thay thế vị trí đa số và nắm quyền của người Bhutan, song nhờ chiến lược phân bổ tỷ lệ đại diện trong chính quyền và nhờ thu hút người Nepal vào các vị trí lãnh đạo nên đã khuyến khích được sự liên kết xã hội giữa hai nhóm cộng đồng tộc người này (Mishra, 2014).

Giải thích cho sự thất bại của phần lớn hệ thống chính trị Nam Á trong xây dựng quốc gia - dân tộc, Sabhlok (2002) cho rằng ngay sau khi giành được độc lập, giới trí thức và những nhà lãnh đạo chính trị có nhiệm vụ chính là thành lập các nhà nước chính thống trên cơ sở kế thừa từ chính quyền thuộc địa. Điều này được thực hiện qua việc tuân thủ hiến pháp với diễn ngôn chính của nhà nước là hợp nhất dân tộc. Trong quá trình đó, rất ít biểu tượng

về sự hợp nhất xuất hiện. Trong trường hợp Ấn Độ, ngày quốc khánh, ngày cộng hòa, một số ngày lễ tết và chương trình dịch vụ hành chính công cho tất cả Ấn Độ được coi là biểu tượng quốc gia. Tuy nhiên, nhiều nhóm đòi tự trị ở vùng đông bắc không chấp nhận kỷ niệm ngày quốc khánh, ngày cộng hòa, giống như một sự phủ nhận biểu tượng quốc gia dân tộc. Một văn hóa dân tộc chung trên cơ sở đa dạng văn hóa, tôn giáo và ngôn ngữ đòi hỏi mỗi nhóm đóng góp cái gì đó riêng của họ vào cái chung. Song, khung áp dụng của các nước, chẳng hạn như Ấn Độ, lại không liên quan đến quá trình đồng hóa để các tộc người thiểu số đón nhận các giá trị và chuẩn mực của nhóm chiếm ưu thế, hay cũng không phải là quá trình các văn hóa cùng tan chảy và hòa hợp thành một khối. Một số quốc gia như Sri Lanka ngại phải thừa nhận bản chất đa tộc người, đa ngôn ngữ và đa tôn giáo của mình. Pakistan khẳng định đảm bảo quyền của những người không theo Hồi giáo nhưng trong thực tế chỉ áp dụng chủ yếu cho người Hồi giáo, di sản ngôn của nhà nước không thể trở thành hiện thực. Các hệ thống chính trị của khu vực không khuyến khích đưa người dân từ những tộc người khác nhau xích lại gần nhau. Các chiến lược được áp dụng nhưng chỉ để tìm cách đặt diễn ngôn về chủ nghĩa dân tộc lên trên tính tộc người và trong thực tế mang lại lợi ích cho một số nhóm trong khi các nhóm khác phải chịu thiệt thòi, dẫn đến các xung đột. Bối cảnh Nam Á cho thấy, mâu thuẫn thường trực giữa bản sắc tộc người và bản sắc quốc gia dân tộc. Tư tưởng chủ nghĩa dân tộc và khái niệm một quốc gia - dân tộc phải tìm kiếm cho được sức mạnh của lực đồng nhất. Trách nhiệm của nhà nước là cung cấp một khuôn mẫu chính trị để lực đồng nhất có thể đưa sự đa dạng chủng tộc, ngôn ngữ và tôn giáo vào chung một chỗ đứng. Song, chính khuôn mẫu đó lại phải cho phép sự đa dạng về thực hành tôn giáo, ngôn ngữ. Chủ nghĩa dân tộc được cho là phải tạo ra sự đồng nhất nhưng cũng không được loại trừ đi tính đa dạng. Đây là một nhiệm vụ rất khó. Nguồn gốc của xung đột ở Nam Á, theo Sabhlok (2002, tr. 36), do không có khả năng hiểu và thể chế hóa mối quan hệ giữa chủ nghĩa dân tộc và tộc người, giữa một bên là hiện tượng chính trị hóa tộc người dưới dạng các phong trào chủ nghĩa dân tộc - tộc người và một bên là chủ nghĩa dân tộc nhưng không được ủng hộ từ cả phía nhà nước và người dân.

Mishra (2004) lại cho rằng, chủ nghĩa dân tộc chỉ thúc đẩy quốc gia - dân tộc ở phương Tây mà không có tính phổ quát. Ở Nam Á, các tư tưởng về dân tộc, chủ nghĩa dân tộc được du nhập từ phương Tây qua chủ nghĩa thực dân, song đội ngũ lãnh đạo hậu thực dân lại bị hạn chế trong việc kiến tạo nó bởi tác động của truyền thống văn hóa. Do đó, tư tưởng truyền thống đã chống lại tư tưởng dân tộc và chủ nghĩa dân tộc (Vương Xuân Tình, 2019, tr. 310-11). Đề xuất cho việc giải quyết khoảng trống và tăng cường mối quan hệ giữa tộc người và chủ nghĩa dân tộc ở Nam Á, Mishra (2004, tr. 83) cho rằng cần có sự điều chỉnh khái niệm chủ nghĩa dân tộc khi áp dụng vào khu vực này. Còn Sabhlok (2002, tr. 40) khẳng định cần dân chủ hóa vấn đề chính trị tộc người trong khuôn khổ thuyết đa nguyên và cộng đồng luận, sử dụng việc hoạch định, thực hiện chính sách như là phương tiện của diễn ngôn dân chủ, vì diễn ngôn sẽ giúp mở ra sự tìm kiếm bản sắc trên cơ sở các nhóm, giai tầng xã hội và qua

việc tìm kiếm các tiếp cận thay thế cho quá trình xây dựng quốc gia - dân tộc và giải pháp hòa bình.

Kết luận

Những trình bày ở trên cho thấy, sau nửa thế kỷ giành được độc lập, các quốc gia ở hai khu vực Châu Phi và Nam Á vẫn đang trong quá trình xây dựng quốc gia - dân tộc và còn phải đối mặt với nhiều nguy cơ bất ổn, xung đột tộc người. Điều này càng khẳng định vị trí quan trọng của vấn đề tộc người, mối quan hệ giữa tộc người và quốc gia - dân tộc ở các quốc gia đa tộc người, đa tôn giáo từ trước đến nay (Vương Xuân Tình 2009, tr. 414; Vũ Đình Mười, 2016, tr. 74). Một số ý kiến cho rằng lý do các quốc gia ở cả hai khu vực này chưa thành công trong xây dựng dân tộc bởi tư tưởng dân tộc và chủ nghĩa dân tộc được du nhập từ phương Tây, bối cảnh xã hội truyền thống của hai khu vực chưa trải qua quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đủ để tiếp nhận, áp dụng khái niệm đó và giới lãnh đạo, tinh hoa các nước không có sự điều chỉnh mô hình bên ngoài trước khi đưa vào xã hội mình. Tuy nhiên, tổng luận các trường hợp cụ thể trên cho thấy, dường như nhiều hệ thống chính trị trong khu vực chưa có nhận thức đúng về vấn đề tộc người, tính tộc người và mối quan hệ giữa tộc người với chủ nghĩa dân tộc, nên đã xem nhẹ bản chất đa dạng tộc người của xã hội mình, muốn làm lu mờ hoặc thậm chí xóa bỏ tính tộc người, bản sắc tộc người trong quốc gia. Quá trình xây dựng quốc gia - dân tộc, nhiều nhà nước thiếu nỗ lực trong xây dựng chủ nghĩa dân tộc, thiếu diễn ngôn, ít xây dựng biểu tượng quốc gia dân tộc và không khuyến khích các tộc người xích lại gần nhau. Trong khi, sự yếu kém của thể chế chính trị, thất bại của các chương trình phát triển kinh tế - xã hội lại càng làm các nhóm xã hội gia tăng nhân tố tộc người, tôn giáo để bảo vệ quyền lợi bản thân của họ. Trong bối cảnh đó, dân chủ hóa chính trị tộc người, cải cách, hoàn thiện thể chế chính trị, thực hiện tốt các chính sách phát triển, nỗ lực tìm kiếm tiếp cận thay thế trong xây dựng chủ nghĩa dân tộc... được xem là những giải pháp quan trọng đối với các quốc gia trong hai khu vực này để giải quyết các mâu thuẫn, xung đột tộc người và xây dựng thành công quốc gia - dân tộc.

Tài liệu tham khảo

1. Austine, E. E., Stephen, A. E. & Raymond, A. O. (2016), "Ethnicity and Nation Building in Africa", *Journal of Political Science and Leadership Research*, Vol. 2, No. 2, 1-9.
2. Binebai, Benedict (2016), "National Consciousness and Multiculturalism in Ododo's Dramaturgy", *Africology: The Journal of Pan African Studies*, vol.9, no.6, pp. 104-118.
3. Boadu, Gideon (2017), "National Consciousness in Early Intellectual Work in the Gold Coast", *Africology: The Journal of Pan African Studies*, vol.10, no.7, pp. 181-294.
4. Campbell, John (1999), "Nationalism, ethnicity and religion: fundamental conflicts and the politics of identity in Tanzania", *Nations and Nationalism* 5 (1), 105-125.

5. Daley, Patricia (2006), “Ethnicity and political violence in Africa: The Challenge to Burundi state”, *Political Geography* 25, 657-679.
6. Eko, Ebele (1989), *Literature and national consciousness*, Ibadan: Heinemann Educational Books (Nigeria).
7. Mandal, Monika (2013), *Social Inclusion of Ethnic Communities in Contemporary Nepal*, Knowledge World.
8. Mishra, Binoda K. (2014), “The Nation-State Problematic in Asia: The South Asian Experience”, *Perceptions*, vol. 19, no. 1, p. 71-85. *Gale Academic OneFile*, Accessed 26 Sept. 2020.
9. Vũ Đình Mười (2016), “Quan hệ tộc người với quốc gia - dân tộc: Quan điểm và chính sách của một số nước ở châu Á”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 66-75.
10. Vũ Đình Mười, Nguyễn Thị Thanh Bình (2019), “Vài nét về quan điểm và chính sách ở Ấn Độ”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 14-21.
11. Phadnis, Urmila & Ganduly, Rajat (2001), *Ethnicity and Nation Building in Africa*, Sage Publication: New Delhi, Thousand Oaks, London.
12. Rwengabo, Sabastiano (2016), *Nation Building in Africa: Lessons from Tanzania for South Sudan*, Discussion paper, Mandela Institute for Development Studies (MINDS), Youth Dialogue, 3-4 August 2016.
13. Sabhlok, Smita G. (2002), “Nationalism and ethnicity and the nation - state in South Asia”, *Nationalism and Ethnic Politics*, 8: 3, 24-42.
14. Vương Xuân Tình (2019), *Cộng đồng kiến tạo: tộc người với quốc gia - dân tộc trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội.
15. Vương Xuân Tình (2020), “Về chủ nghĩa dân tộc - tộc người”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 3-14.
16. Wilmsen E., Dubow S., and Sharp J. (1994), “Introduction: Ethnicity, Identity and Nationalism in Southern Africa”, *Journal of Southern African Studies*, Vol. 20, No.3, pp. 347-353.
17. Young, Crawford (2001), *Revisiting Nationalism and Ethnicity in Africa*, Los Angeles: University of California (James Coleman Memorial Paper).